

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 19/3/2026

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm  
Ông Nguyễn Tiến Dũng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký TAND khu vực 2
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXX - ST ngày 04/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Vân A, sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT: Tổ B, phố H, phường T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Lê Quang H, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT: Khu E, xã B, tỉnh Phú Thọ (Địa chỉ trước đây: Xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ). Hiện anh H đang làm việc tại Đài Loan.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Đình H1, sinh năm 1955; Nơi ĐKKHKT: Khu E, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là: Khu E, xã B, tỉnh Phú Thọ).

*Chị A, ông H1 có mặt, anh H vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Vân A và anh Lê Quang H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Vân A và anh Lê Quang H đăng ký kết hôn với nhau ngày 06/01/2013 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã B, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H tại xã C (nay là xã B), tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận vài năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng hiện sống ly thân, chị A về nhà bố mẹ đẻ ở V sinh sống từ tháng 8/2021 đến nay, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 5/2018 đến nay, vợ chồng hiện không còn quan tâm gì tới nhau. Nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, anh H cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Vân A và anh Lê Quang H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2013. Khi ly hôn hai bên thống nhất giao cháu B cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì hiện cháu đang ở cùng chị A, anh H đang đi làm xa không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, khi nào về nước nếu cần anh sẽ đề nghị thay đổi nuôi con sau.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Vân A, anh Lê Quang H và người đại diện theo ủy quyền của anh H thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm có: 01 ngôi nhà 03 tầng xây trên đất là tài sản riêng của chị Nguyễn Vân A được bố mẹ cho tặng, đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số DE 540049 ngày 09/6/2022, thửa đất số 86, tờ bản đồ số 74, diện tích 72 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại phố H, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ), 01 chiếc xe HONDA SH 125I, BKS 19S1-26846, có số khung 7301GY083487, số máy JF73E0082965, đứng tên Nguyễn Vân A và một số vật dụng trong gia đình. Ngoài ra, không có sản chung gì khác. Khi ly hôn đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Chị Nguyễn Vân A sẽ sở hữu ngôi nhà 3 tầng, chiếc xe 01 xe HONDA SH 125I, BKS 19S1-26846, có số khung 7301GY083487, số máy JF73E0082965, đứng tên Nguyễn Vân A và vật dụng trong gia đình. Chị A sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Lê Quang H số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán chậm nhất là đến ngày 27/4/2026. Chị A cam kết thực hiện đúng thỏa thuận, nếu chị A vi phạm thời hạn thanh toán anh H và đại diện theo ủy quyền có quyền làm đơn đề nghị thi hành án theo quy định của pháp luật.

- *Về nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp*: Chị Nguyễn Vân A, anh Lê Quang H và người đại diện theo ủy quyền của anh H: Xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên Tòa trình bày: Giữ nguyên quan điểm là đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung của hai bên và không có tranh luận thêm gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Vân A và anh Lê Quang H.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Vân A và anh Lê Quang Huấn H, giao 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2013 cho chị Nguyễn Vân A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị Vân A tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc xác định tài sản chung của vợ chồng anh H chị Vân A gồm có: 01 ngôi nhà 03 tầng xây trên thửa đất số 86, tờ bản đồ số 74 tại phường T, tỉnh Phú Thọ (thửa đất là tài sản riêng của chị Vân A) các vật dụng trong ngôi nhà và 01 xe mô tô Honda SH BKS 19S1 - 268.46 đứng tên Nguyễn Vân A. Sau khi ly hôn, chị Vân A được sử dụng toàn bộ căn nhà 03 tầng cùng vật dụng trong nhà và 01 xe mô tô BKS 19S1-268.46 đứng tên Nguyễn Vân A. Chị A có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh H số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) chậm nhất là đến ngày 27/4/2026.

- Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Vân A, anh Lê Quang H và người đại diện theo ủy quyền của anh H: Xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Quang H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu E, xã B, tỉnh Phú Thọ (Địa chỉ trước đây: Xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực” thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ. Quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[1.2]. Về sự vắng mặt của anh Lê Quang H tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Quang H có lời khai trình bày quan điểm và đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[1.3]. Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã tự thống nhất thỏa thuận được về tài sản chung và đề

ngợi Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận tài sản chung là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn có thể xác định: Chị Nguyễn Văn A và anh Lê Quang H đăng ký kết hôn với nhau ngày 06/01/2013 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã B, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại xã C (nay là xã B), tỉnh Phú Thọ, vợ chồng hòa thuận được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, chị A về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2021 đến nay, anh H đi nước ngoài nhiều năm, vợ chồng không còn quan tâm gì tới nhau. Nay chị A xin ly hôn, anh H đồng ý thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được, hai bên không có sự quan tâm chia sẻ và đều xin được thuận tình ly hôn. Do vậy, cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Văn A và anh Lê Quang H là phù hợp với cuộc sống hiện tại của vợ chồng và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Văn A và anh Lê Quang H có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2013. Hiện nay cháu B đang ở cùng chị A tại phường T, tỉnh Phú Thọ, anh H đang ở nước ngoài. Khi ly hôn 2 bên đều thống nhất giao cháu B cho chị Nguyễn Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận trên của hai bên đều phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi của con chung. Vì vậy, cần xử công nhận sự thỏa thuận giao cháu Lê Gia B cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Hai bên đương sự đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận, cụ thể: Chị Nguyễn Văn A sẽ sở hữu ngôi nhà 3 tầng xây trên đất là tài sản riêng của chị A, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số DE 540049 ngày 09/6/2022, thửa đất số 86, tờ bản đồ số 74, diện tích 72 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại phố H, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ), 01 chiếc xe HONDA SH 125I, BKS 19S1-26846, có số khung 7301GY083487, số máy JF73E0082965, đứng tên Nguyễn Văn A và vật dụng trong gia đình. Chị A sẽ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Lê Quang H số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán chậm nhất là đến ngày 27/4/2026, nếu chị A vi phạm thời hạn thanh toán anh H và đại diện theo ủy quyền có quyền làm đơn đề nghị thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét thấy, thỏa thuận này là hoàn toàn phù hợp, không trái với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận,

[2.4]. Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Văn A, anh Lê Quang H và người đại diện theo ủy quyền của anh H: Xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Văn A xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đã thỏa thuận được về tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận. Nên anh Lê Quang H được hoàn trả lại số tiền số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) đóng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực”; điểm a, d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Văn A và anh Lê Quang H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Văn A và anh Lê Quang H, giao 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 31/10/2013 cho chị Nguyễn Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A. Anh H có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Chị Nguyễn Văn A sẽ sở hữu ngôi nhà 3 tầng xây trên đất là tài sản riêng của chị A, thửa đất số 86, tờ bản đồ số 74, diện tích 72 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại phố H, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ), đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số DE 540049 ngày 09/6/2022; 01 xe HONDA SH 125I, BKS 19S1-26846, có số khung 7301GY083487, số máy JF73E0082965, đứng tên Nguyễn Văn A và vật dụng trong gia

đình. Chị A sẽ thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Lê Quang H số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán chậm nhất là đến ngày 27/4/2026, nếu chị A vi phạm thời hạn thanh toán, anh H và đại diện theo ủy quyền có quyền làm đơn đề nghị thi hành án theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.*

4. Về nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Văn A phải nộp 150.000đ (Một trăm lăm mươi nghìn đồng). Số tiền chị A phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai ký hiệu BLTU/25E, số: 0006260 ngày 02/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Văn A 150.000đ (Một trăm lăm mươi nghìn đồng)

Trả lại cho anh Lê Quang H số tiền 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) đóng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai ký hiệu BLTU/26E, số: 0000577 ngày 21/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (ông Lê Đình H1 nộp thay)

*“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.*

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 2;
- UBND xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Đình Yên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 2;
- UBND Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Đình Yên**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H2 có bản tự khai và trình bày xin vắng mặt trong phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên xét xử. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Hoài A1 ly hôn anh Hoàng Công H2
- Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thu T, sinh ngày 14/02/2024 cho chị Lê Hoài A1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh H2 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng (phương thức cấp dưỡng theo tháng), kể từ tháng 10 năm 2025 đến khi con chung thành niên. Anh H2 có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Hoài A1 và anh Hoàng Công H2 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Hoài A1 và bị đơn anh Hoàng Công H2 đều đăng kí hộ khẩu thường trú tại: xã L, tỉnh Phú Thọ (HKTT trước đây: Khu E, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Về sự vắng mặt của chị Lê Hoài A1 và anh Hoàng Công H2 tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoài A1 và anh H2 đều có lời khai trình bày quan điểm. Do anh H2 trình bày tại bản tự khai là anh xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị Hoài A1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn xác định: Chị Lê Hoài A1 và anh Hoàng Công H2 đăng ký kết hôn ngày 16/01/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã L, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị A1 và anh H2 là trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Phía chị A1 kiên quyết xin ly hôn, anh H2 cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Do vậy, cần xử cho chị Lê Hoài A1 được ly hôn với anh Hoàng Công H2 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị A1 và anh H2 đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thu T, sinh ngày 14/02/2024. Quá trình giải quyết vụ án, chị A1 có nguyện

vọng được nuôi con và đề nghị anh H2 đóng góp tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Phía anh H2 cho rằng nếu ly hôn đặt ra, anh đồng ý giao con cho chị A1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo yêu cầu của chị A1 là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên.

Xét thấy: Hiện cháu Hoàng Thu T còn nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi), là con gái. Vì vậy, cần giao cháu T cho chị A1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H2 sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi thành niên là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Lê Hoài A1 và anh Hoàng Công H2 đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Hoài A1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và anh Hoàng Công H2 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 80, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Hoài A1 ly hôn anh Hoàng Công H2.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thu T, sinh ngày 14/02/2024 cho chị Lê Hoài A1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Hoàng Công H2 có nghĩa vụ cấp dưỡng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng (phương thức cấp dưỡng theo tháng), kể từ tháng 10 năm 2025 đến khi con chung thành niên. Anh H2 có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Hoài A1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị A1 phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đó nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: BLTU/25E/0000854 ngày 25/7/2025 tại thi hành

ôn dãn sự tỉnh Phỳ Thọ. Anh Hoàng Cụng H2 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh;
- Phòng TT- KT- THA TAND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS khu vực 2;
- UBND xã Lâm Thao;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Đình Yên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Âm Hạ, huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Yên**

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Y**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã Xuân Áng, huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Đình Yên**